GIAN KHỔ MỘT ĐỜI

truyện

LÊ CẦN THƠ

"Chiều qua gác giặc bên phòng tuyến
Thấy chiếc ghe đăng nhẹ mái chèo
Bất chợt con nghe hồn trống vắng
Thương về quê cũ nhớ thôn nghèo…"

(thơ HVT - **Chuyện Ghe Đăng** – 1969)

Trời chiều.

Ánh nắng vàng vọt từ hướng Tây chiếu qua rặng cây xa hun hút bên kia cánh đồng trống vắng tạo nên màu sắc đậm nhạt trông thật buồn. Trên không, mấy chòm mây trắng lãng đãng trôi mà tận chân trời màu xanh dương cũng bắt đầu ngã dần sang màu thẫm hơn báo hiệu sắp hoàng hôn. Con kinh Lái Hiếu thẳng tắp từ hướng Phụng Hiệp vào Ngã Tư Cây Dương nước lớn đã đầy tới mấp mé hai bên bờ. Mấy mảng lục bình lờ đờ trôi theo dòng nước, bên trên mảng lục bình, những chùm bông màu tím nhạt hoà với sắc trời chiều một nỗi buồn hiu hắt, xa vắng, bâng khuâng. Những đàn cò trắng đang vỗ cánh bay về rặng cây trâm bầu phía xa xa chắn qua hướng Kinh Ngang mà tầm nhìn đã nhạt nhoà như bức tranh thủy mạc.

Bất chợt, Lê Vân Thanh đổi lại thế ngồi trên vọng gác hướng ra mặt sông. Đồn trung đội nằm trên khu đất thuộc ấp Mỹ Lợi B, cách đồn *đại đội trừ* ở ấp Mỹ Lợi A chưa đầy hai cây số, hàng ngày phải hành quân mở đường để bắt tay nhau lo an ninh thủy trình dọc kinh Lái Hiếu,

ban đêm phải lo xuất quân nằm các điểm "tiền đồn", là những chốt điểm mà Chi Khu Phụng Hiệp đã chấm tọa độ để giữ an ninh cho đồn. Những năm cuối 1969 sang đầu 1970, tình hình an ninh quanh vòng đai quận Phụng Hiệp còn khép chặt, tương đối tốt chưa quá hai cây số. Vậy mà các đơn vị Địa Phương Quân do Tiểu Khu đưa về xây dựng đồn trên khắp địa bàn, rồi lần lượt giao cho lực lượng Nghĩa Quân thuộc liên đội 313 mà anh Năm Tân là Liên Đội Trưởng chỉ huy, phân nhiệm các Trung Đội, Tiểu Đội trấn giữ thật hữu hiệu. Từ các đồn kề cận Chi Khu Phụng Hiệp như Rạch Vông, Mang Cá, Ba Ngàn, Đất Sét, Xẻo Môn, Ranh Hạt… cho đến các đơn vị "xung kích" chuyên đi đánh "đột kích điểm" ban đêm trong các vùng xa xôi, phá hủy tiềm năng của du kích các ấp đội, xã đội Đại Thành, huyện đội VC trong địa bàn Phụng Hiệp thật chính xác, do tin tình báo thu được qua chỉ điểm của hồi chánh viên. Đánh rồi rút, gây thương vong cho đối phương, thu chiến lợi phẩm rồi trở về hậu cứ tại Chi Khu an toàn, những "chiến sĩ Nghĩa Quân của anh Năm Tân" đã làm chiến tích như vậy. Vòng đai an ninh lan ra, nếu về hướng Kinh Cái Côn có đại đội 489 ĐPQ của Thiếu Uý Lâm Đình Thảo (sau ngày 1 tháng 3/70 Thiếu Uý Thảo tử trận, Trung Úy Mai Quang Rít tạm thay, rồi Trung Uý Nguyễn Văn Bá, Trung Úy Vũ Tiệp lần lượt thay làm Đại Đội Trưởng), đóng đồn Bưng Thầy Tần (ấp Đông An A), đóng thêm đồn Trung đội ở vàm Rọc Ngay (ấp Đông An B) để bắt tay với đại đội 383 ĐPQ từ hướng quận Phong Thuận (Cái Côn) đi vào thường xuyên lo an ninh thủy trình dọc kinh Cái Côn cho đoàn xà lan chở đá từ sông Hậu vào Ngã Bảy Phụng Hiệp, và hãng thầu RMK của Mỹ làm Quốc Lộ 4 từ Cần Thơ xuống Cà Mau. Về hướng Kinh Lái Hiếu có đại đội 385 ĐPQ của Thiếu Úy Vũ Đức Kim, sau nầy đổi Trung Úy Nguyễn Văn Nhã làm Đại đội trưởng, ban đầu đóng đồn Sậy Niếu, giao cho Nghĩa Quân, vào đóng tiếp đồn Mỹ Lợi A, rồi đồn cấp Trung đội ở Mỹ Lợi B… Sau đó lại tiến vô Ngã Tư Cây Dương, Mỹ Hoà, Mỹ Chánh. Về hướng Kinh Búng Tàu đi về Ngã Năm có đơn vị 295 ĐPQ của Trung Úy Nguyễn Thành Đức, đóng đồn Lò Đường, rồi Búng Tàu. Các đơn vị ĐPQ nầy trực thuộc Liên Đội 34 do Đại Úy Khâm làm Liên Đội Trưởng, sau là Đại Úy Huỳnh Đồng Phước trông coi, đóng tại Ngã Tư Cây Dương. Tình hình an ninh ngày càng tốt hơn, vòng đai đã lan ra xa hơn, nhưng ban đêm du kích vẫn "lẻn" về gài "mìn", "lựu đạn" ở những khoảng đường di chuyển giữa các đồn với nhau, gây bất an đáng kể. Mặc dù hằng đêm, pháo binh Chi Khu Phụng Hiệp đã dành khá nhiều trái đạn 105 ly bắn quấy rối khắp nơi. Những trái đạn pháo "chiếu sáng" cũng "rớt" vào canh chừng như vậy, mà du kích và các đơn vị cấp cao hơn của VC vẫn thỉnh thoảng di chuyển qua, chạm súng với các toán "tiền đồn", gây những trận đụng độ chết người liên tục… Cuộc chiến trên địa bàn quận Phụng Hiệp cứ diễn ra trong lằn ranh nghiệt ngã, không phân biệt ai bạn, ai thù. Có thể ban ngày họ là nông dân, từng vào xã quận xin giấy tờ đi làm ruộng, nhưng ban đêm chính họ đi gài mìn, gài lựu đạn, cũng có thể chạm súng với những toán tiền đồn.

Đang miên man suy nghĩ, Lê Vân Thanh chợt nhìn thấy trên mặt sông từ hướng Phụng Hiệp một chiếc ghe chèo khăm lừ từ từ xuôi theo dòng nước vô miệt Ngã Tư Cây Dương. Người đàn ông đứng chèo, dáng điệu thong thả như để cho ghe trôi theo dòng nước, bởi đôi cánh tay cầm chèo đưa lên hạ xuống thật chậm. Chiếc ghe chở đầy đăng và bên trên để sáu cái lọp. Hình ảnh quá thân quen đã làm cho Thanh bùi ngùi xúc động. Thanh lặng thinh dõi mắt trông theo chiếc ghe đăng cho đến khi chiếc ghe mất hút trong tầm nhìn trên dòng Kinh Lái Hiếu vô hướng Ngã Tư Cây Dương. Có tiếng động bên dưới, Thanh quay nhìn mới biết, Nguyễn Văn Đèo đang cầm súng bước lên đổi gác với mình.

Thanh nói với Đèo mấy câu thông lệ rồi đi thẳng về chòi của mình và lên nằm trên chiếc ghế bố nhà binh miên man suy nghĩ chuyện đâu đâu, rồi thiếp đi trong giấc ngủ đầy mộng mị dù chưa kịp ăn bữa cơm tối.

– Ba ơi, cho con hỏi đôi điều về nghề nghiệp của Ba nghe...

– Sao bữa nay lại muốn hỏi Ba điều đó?

– Dạ, nhật báo Miền Tây có mục TẤC ĐẤT NGỌN RAU do anh Kiên Giang phụ trách, con muốn hỏi Ba chút kinh nghiệm về nghề đăng cá để viết lên cộng tác vậy mà.

– Nghề hạ bạc nầy lạnh lẽo lắm, đâu có gì hay ho mà kể!

– Sao Ba lại nói vậy? Nghề nào cũng tốt cả, bởi nó làm nên chén cơm manh áo cho cả gia đình...

Ba tôi ngồi trên chiếc ghế đẩu đặt nơi bàn tròn kê giữa nhà, tay vân vê điếu thuốc rồi chậm rãi đưa lên miệng, tay cầm hộp quẹt bật lửa mồi thuốc hút. Vừa hút thuốc, Ba vừa đưa mắt nhìn ra dòng sông trước cửa im lặng. Tôi với tay giở nắp đậy cái vỏ dừa khô, lấy bình tích đựng trà nóng trước mặt, rót cho Ba một ly nước trà còn lên hơi và mời Ba uống. Cuốn sổ tay trước mặt với cây viết nguyên tử cầm tay, tôi chuẩn bị ghi chép những điều Ba sắp kể... Nhưng bất ngờ, Ba quay lại nhìn tôi:

– Con muốn biết chỗ nào Ba mới kể được.

– Ba bắt đầu từ lúc mới học nghề cho tới khi Ba đã ra nghề...

– Dài dòng lắm, nhưng có thể tóm tắt thế nầy...

Tôi im lặng lắng tai nghe Ba nói, tay cầm viết ghi chép vào những trang giấy trắng trước mặt. Ba tôi hít nhẹ một hơi thuốc rồi đôi mắt nhìn ra dòng sông trước mặt, vẻ đăm chiêu nghĩ ngợi, cứ cố bươi nhớ trong vùng ký ức xa xăm của gần ba mươi năm trôi qua đời mình ...

"Khi rời Ba Vát - Mỏ Cày của xứ dừa Bến Tre, Ba trôi nổi xuống tận vùng Trường Long "khỉ ho cò gáy" nầy để lập nghiệp với đôi bàn tay trắng. Ba làm đủ mọi công việc để kiếm miếng cơm manh áo. Người cưu mang Ba trong giai đoạn nầy là Ông Bồi, sau nầy là Ông Ngoại của con. Ông thấy Ba còn trai trẻ thì thương mới cho Ba cất một chòi lá trên khoảnh đất chưa đầy một công, bên kia con mương nhỏ để ở và đi làm mướn làm thuê kiếm sống: việc đồng ruộng thì phát cỏ, cấy lúa, gặt lúa; sau mùa ruộng thì lên giồng trồng khoai, tỉa đậu... cho các gia đình khá giả trong vùng. Ngoài việc đồng áng, Ba còn tùy mùa và theo con nước mà đi giăng câu, đặt lờ, đặt trúm bắt lươn để bán kiếm tiền. Chuyện gia tộc bên Nội có dịp Ba sẽ kể cho con nghe, để sau nầy con có thể hiểu được nguồn cội của mình. Bây giờ Ba chỉ vắn tắt mấy điều con muốn hỏi về nghề đăng cá của Ba.."

Cây có cội, nước có nguồn. Tôi cũng muốn biết đôi chút về "gia phả" của một dòng họ trôi nổi từ miền đất Bến Tre xa xôi qua tới vùng Trường Long "khỉ ho cò gáy" nầy càng "nghèo" hơn nơi chốn cũ... là một điều khó giải thích được, bởi vì người ta thường nói "đất lành chim đậu", nhưng quê Trường Long so với Bến Tre có thật sự "lành" chưa mà Ba tôi đã chọn nơi đậu? Nhưng, trọng tâm của lần gặp gỡ nầy, tôi buộc phải lái trở về đề tài cần biết. Tôi nói:

– Hôm nay Ba kể về nghề đăng cá. Lần sau Ba kể cho con biết rõ hơn về "gia phả" bên Nội mình nghe Ba...

Ba không trả lời tôi mà hít nhẹ hơi thuốc rê rồi hớp một ly nước trà, hướng mắt nhìn ra dòng sông đang đầy nước, những về lục bình lững lờ trôi, mấy cái bông màu tím lung linh theo sóng gợn. Tôi đoán biết Ba đang suy nghĩ lung lắm khi phải tìm một cách mở đầu cho hành trình một nghề nghiệp mà ông đã đeo đuổi hơn 24 năm trên sông nước quê nhà. Bất chợt, Ba quay lại nhìn tôi:

– Đăng cá là một nghề "hạ bạc" ít ai theo đuổi lắm, chỉ có những người không có đất vườn, không có vốn liếng cơ ngơi như ba mới lao vào mà thôi. Như con biết miền quê mình đang sống đều là nhà nông, kẻ từ xa đến không nghề nghiệp chuyên môn, chỉ tìm chỗ làm thuê mướn nuôi sống bản thân. Ba cũng ở trong số người đó. Còn "gia phả" dòng họ Lê của mình Ba chỉ có

dịp được nghe Bà Nội con kể đi kể lại rồi nhớ chớ không có sách vở gì ghi chi tiết. Kể cho con nghe cũng như truyền miệng mà thôi... Nó là chuyện kể, chuyện nhớ đâu kể đó chẳng đầu đuôi ra làm sao cả...

Biết ý Ba chưa muốn gợi lại những điều cần thiết mà tôi muốn, nên tôi ngồi im để tùy Ba muốn nói gì thì nói. Tôi nghĩ, một dịp nào đó tôi cũng sẽ được nghe mà thôi. Tôi đưa mắt nhìn ra dòng sông chảy ngang nhà trong khi Ba vấn thêm điếu thuốc rê rồi kê vô đầu ống khói cây đèn dầu trước mặt để mồi lửa. Ba phà hơi khói đầu tiên lan toả che mờ khuôn mặt mình. Bất chợt Ba nói:

– Con người ai cũng có số phần con à. Thật tình Ba đâu ngờ phải rời bỏ quê hương nơi chôn nhau cắt rốn để trôi giạt qua đây lập nghiệp. Con có biết thời trai trẻ, ba là một "công tử miệt vườn", chẳng làm gì động móng tay, ngày ngày ăn mặc chỉnh tề, cầm lồng chim chìa vôi mà ở quê ba gọi là chim chiền chiện để đi đá như người ta chơi đá gà. Bởi ba thứ Chín, là con trai Út nên bà Nội thương và nuông chiều dữ lắm. Cô Tám của con có chồng và cả hai là diễn viên của một đoàn hát đi lưu diễn khắp nơi dọc theo sông nước miền quê, và hai người đã bị mất tích trong năm người Việt gốc Miên ở Trà Vinh nổi dậy mà người Việt gọi là "cáp duồn". Cô Mười của con là con gái Út cuối cùng của Ông Bà Nội, đến tuổi 18 có người mai mối gả cho con trai một người Hoa. Ông Nội con quyết định không gả, nhưng một thời gian sau... vì thương con gái Út, Bà Nội thuyết phục được Ông Nội, nên lễ cưới của cô dượng Mười của con cũng được tổ chức. Ít lâu sau Ông Nội mất. Có chồng một thời gian, gia đình bên chồng Cô Mười dắt nhau trở về Quảng Đông bên Tàu không cho Bà Nội biết. Và Cô Mười đã mất liên lạc với gia đình bên mình mãi cho đến bây giờ, không biết Cô Mười sống chết ra sao và chồng con thế nào nữa. Phần Ba, trong một chuyến "ham vui" đã theo bạn bè đi đường sông qua tới Cần Thơ, vô tận Phong Điền rồi đến xã Trường Long... để lập nghiệp cho đến bây giờ. Ba bỏ quê Ba Vát Mỏ Cày chưa đầy ba năm, Bà Nội thăm dò tin tức và đã qua tới Trường Long gặp được Ba, lúc đó Ba đã cưới được má con và ở vuông đất phía bên kia con mương mà Ông Bà Ngoại đã cho để cất nhà khi Ba mới chân ướt chân ráo sang tận nơi nầy lập nghiệp. Bà Nội thương con trai Út, thương con dâu Út... nên Bà quyết định ở lại Trường Long. Ba năm sau nữa, Chú Chín của Ba là một thầy thuốc Bắc, thấy chị dâu mình đi tìm con không trở về, ông cũng khăn gói sang thăm và cũng quyết định ở lại quê nầy hành nghề thầy thuốc cho đến khi mãn đời. Con thấy, bờ mả sau vườn mình bây giờ, ngoài các ngôi mộ của Ông Bà Ngoại, của Dì Sáu, của Bà Nội, của Ông Chín... nằm cạnh nhau, rồi sẽ tới Ba, tới Má con nữa...

Ba ngừng kể, khẽ hớp một ngụm nước trà rồi lại say sưa với giọng trầm buồn:

Ba còn Bà Con ở Ba Vát Mỏ Cày, một số người sang Vĩnh Long lập nghiệp Ba cũng được biết, nhưng Ba không bao giờ có ý định trở về quê cũ để thăm viếng bà con, một khi Ba vẫn còn sống đời nghèo khổ như thế nầy. Ba nghĩ thà chết ở quê người còn hơn trở về quê cũ mà vẫn đôi bàn tay trắng, còn tệ hơn lúc chưa đi lập nghiệp...

Chợt nhiên tôi nghe tim mình se thắt. Ba tôi đã vì tự ái của một con người, khi rời quê hương là muốn tiến thân, muốn làm nên danh phận với đời, nhưng "con người có số", Ba tôi đã không giàu khá lên được nên phải đành gạt bỏ mọi tình thân! Tự ái của Ba tôi chắc khó thể lay chuyển được trong tâm khảm, bởi vậy tôi thường bắt gặp Ba ngồi một mình, lặng lẽ vấn thuốc hút rồi hướng mắt nhìn tận xa xăm...

Con có hiểu rằng những năm chiến tranh chống Pháp, quê Trường Long cũng ngập tràn khói lửa. Giặc Pháp đóng ở Phong Điền có làm một cây cầu cho tàu sắt cặp bến phía doi bên phải chỗ ngả ba sông vào trong xã mình. Chính vị trí chiếc cầu nầy là "pháp trường" để bọn lính Pháp "xử bắn" rồi xô xuống dòng sông các người dân vô tội mà chúng cho là Việt Minh, là bọn chống lại chánh quyền do "mẫu quốc Pháp" lập nên. Cứ đôi ba ngày là có xác người chết

nổi lên và trôi tắp vào dòng sông trước cửa nhà mình. Có xác nhìn mặt được thì bà con thông báo cho thân nhân vớt xác về chôn; có xác nhìn không ra, bà con đành phải cột dây kéo vào chôn ở Đình Cũ, chôn mà không có hòm rương gì hết, chỉ bọc bằng chiếc đệm rách mà thôi! Bà con ở làng nầy nói chung là nghèo, nên giúp chôn được người "vô danh" như vậy cũng là điều quý vô cùng. Chính Ba cũng đã tham gia với bà con chôn nhiều "thây ma" bằng cách đó... Nghĩ mà thương và tủi cho số phận những con người bất hạnh trong thời chiến tranh giặc giã mà Ba đã gặp trong những năm 30, 40 của thế kỷ 20...

Ba thở dài rồi tay bưng ly nước trà đưa lên miệng hớp một ngụm, lặng lẽ để ly nước xuống mặt bàn, mắt đăm chiêu hướng ra dòng sông trước mặt. Tôi im lặng nhìn Ba. Chợt nhiên Ba nói với giọng ngậm ngùi:

Nhắc tới những người bất hạnh trong chiến tranh thời giặc giã, không làm sao Ba quên được hình ảnh của Cậu Bảy con đã bị giết oan và thả trôi trên dòng sông nầy hồi năm 1945, lúc Mợ Bảy của con mới sanh đứa con gái Út chưa đầy hai tháng tuổi. Làm sao Ba quên được hình ảnh những thây người chết trôi lềnh bềnh trên sông mà không có thân nhân nhận dạng, Ba và một số trai tráng trong làng cùng thòng dây kéo xác lên bờ rồi quấn chiếc đệm đào lỗ chôn trong khu Đình Cũ. Có được chiếc đệm để chôn là quy lắm rồi, vì thời đó bà con trong làng quá nghèo, không thể mua hòm hay ván gỗ đóng lại chôn người. Quần áo người sống còn không đủ mặc, phải may bằng bao bố để che kín thân mình thì làm sao lo chu toàn cho một người chết không thân nhân quen thuộc. Thậm chí Bà Nội con lúc đau bệnh căn dặn, nếu bà có chết, cho bà xin 8 miếng vạt cau để chôn bà cho đỡ tốn kém! Làm sao Ba quên được cảnh ruồng bố, đốt nhà, đập phá mọi vật dụng trong nhà của người dân mỗi lần có bọn lính Tây tới vùng nầy, mà tủi nhục hơn nữa, trong số lính Tây còn có người Việt mình đi cùng, họ đã dùng nhiều âm mưu thủ đoạn giúp cho bọn quan Tây, bọn Cai, Đội hãm hiếp đàn bà, phụ nữ như trường hợp Cô Năm Mão, cô Tư Tuất… là những nạn nhân hết sức thảm thương. Thời nào cũng vậy, bọn Việt Gian đã ôm chân Pháp và nhúng tay làm điều phi nhân khiến ai cũng đau lòng xót dạ. Ba không được may mắn đi học chữ nghĩa thánh hiền như người ta, nhưng Ba có dịp nghe kể những thủ đoạn gian ác của bọn Tàu phương Bắc hàng ngàn năm rình rập khi xua quân xâm chiếm đất nước ta, chúng đã dùng chính sách cai trị hà khắc đối với dân mình như súc vật, đôi lúc còn xúi giục những tên Việt Gian đàn áp dân mình… Bởi vậy mới có xuất hiện những bậc anh hùng nữ lưu hào hùng khí tiết như Bà Trưng, Bà Triệu, như các ông Đinh Bộ Lĩnh, ông Ngô Quyền, ông Trần Hưng Đạo, ông Lê Lợi, ông Quang Trung Nguyễn Huệ… phất cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân thù. Thời nào cũng vậy, hễ có bất công là có đấu tranh, nổi dậy để chống lại. Các hương chức hội tề mà hà khắc, cậy quyền lợi thế trước sau gì cũng phải trả giá...

Ngừng nói, Ba lại nhìn tôi:

– Tự nhiên trong đầu óc Ba nghĩ lung tung, nói năng chẳng đâu vào đâu cả.

– Ba cứ nói nữa đi, nói những gì Ba đang suy nghĩ. Con cũng cần muốn biết thêm những điều gì đã xảy ra và Ba đã từng nghe biết, từng chứng kiến...

Ba đã chọn Trường Long là quê hương của mình, nên lúc nào Ba cũng yêu thương gắn bó như nơi chôn nhau cắt rún của Ba ở Ba Vát Mõ Cày. Ba nghĩ, có lẽ Ba không còn trôi nổi một phương trời nào khác nữa cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Từng dòng kinh, ngọn rạch, từng con mương, đập nước, từng cái lung miệng đìa trên miền đất nầy Ba không làm sao quên được những kỷ niệm trong đời "trôi sông lạc chợ" của mình. Nó là duyên số cuộc đời. Nó là sợi dây vô hình ràng buộc bước chân của Ba. Ba cưới được Má con và sống ấm êm trong cả quãng đời gian khó cũng chính nơi nầy. Nên Ba yêu quý và lúc nào cũng sợ phải lìa xa nó!..

Tôi lặng yên nghe Ba nói, càng lúc giọng của Ba như chìm sâu trong vùng ký ức mà từ lâu lắm không có dịp phơi trải ra…

Ngày Ba cưới Má con, ông bà Ngoại của con đã cho bộ ngựa gõ làm "của hồi môn". Ba Má giữ gìn nó như một báu vật. Vậy mà qua những năm chiến tranh, tụi Tây ruồng bố, nhà bị đốt tới ba lần. Lần sau cùng bộ ngựa gõ cháy sém khiến cho mặt bộ ngựa loang lổ. Sau năm đình chiến, ba mới chở ra chợ Cái Răng mướn trại cưa xẻ làm 3 để làm thành ba bộ ngựa. Có một bà nhà giàu nào đó thấy bộ ngựa gõ trên mặt cháy sém loang lổ nhưng xung quanh viền khảm xa cừ vẫn còn, đã nài nỉ ba để bà ấy mua lại, chẳng biết bà ấy mua để làm gì. Hai bộ ngựa gõ còn lại Ba đang đặt trong phòng khách nầy, ba quý nó lắm, vì đây là vật kỷ niệm trong đời của Ba Má. Hồi ông bà Ngoại của con mất, phần đất mướn của ông Chủ đất Tư Quản, Ba Má tiếp tục thuê mướn, hàng năm đong lúa ruộng cho gia đình Ông Tư, từ chợ Phong Điền vô thâu sau mỗi mùa gặt. Hồi trào Ngô Đình Diệm, có lần ông Quận Trưởng Ô Môn (sau nầy đổi lại là Quận Phong Phú) là Đại Uý Nguyễn Văn Hoà đi công cán xuống xã Trường Long, ông đặt "bản doanh" tại nhà của Ba, Ba cũng không hiểu tại sao? Có phải do phía trước nhà có khoảng sân rộng và mấy cây xoài thanh ca toả bóng rợp mát suốt ngày. Dịp nầy, ông có giải thích và bảo Ba tham gia "Phong trào Cách Mạng Quốc Gia" để được bảo đảm quyền lợi của một công dân dưới sự lãnh đạo của Ngô Tổng Thống và chánh quyền Quốc Gia. Sau đó mấy lần, mỗi khi ông Quận Trưởng đến Trường Long là ghé nhà Ba gần suốt buổi. Có lần Má con làm cơm đãi ông và những người lính cận vệ. Cũng thời gian nầy, phần đất Ba thuê mướn của ông Tư Quản đã được lập "Khế Ước", chủ đất bây giờ là con rể thứ tám của Ông Tư tên Ngô Minh Thám, và người thuê mướn là Ba với diện tích đất là 2 mẫu 6 sào 61 cao. Hàng năm đong 20 giạ lúa ruộng sau mỗi mùa gặt hái xong. Sau nầy giặc giã nổi lên, do có VC xuất hiện, nên ruộng làm bị thất mùa, Dượng Tám Thám cũng tự giảm phần lúa ruộng hàng năm nên gia đình Ba Má tôi cũng đỡ khó khăn.

Ba là đoàn viên của Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia có giấy chứng nhận từ Quận. Nhiều lần ông Quận Hoà muốn giới thiệu Ba làm Trưởng Ấp Trường Thuận, nhưng Ba một lòng thoái thác, viện lý do là Ba không có trình độ văn hoá, không thể làm việc được. Lần lữa thì ông Quận Hoà cũng không nhắc tới nữa. Bởi mỗi lần có lính quận xuống xã Trường Long là có mặt tại nhà Ba Má, nên khi bọn VC nằm vùng lập "Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam", họ không ra mặt mà ban đêm dán giấy cảnh cáo cho là Ba thân chánh quyền Mỹ Diệm với lời "hăm doạ" chết người. Ba thấp thỏm lo âu. Ông Ba Đại được cử làm Trưởng Ấp một thời gian thì chúng ban đêm đến bao nhà và bắt đi mất tích. Một thời gian sau mới tìm được chỗ chúng đào lỗ "chôn đứng" chỉ để ló chiếc đầu lên trên mặt đất, tại một bờ cây trâm bầu trong kinh Chệt Thợ với "bản án" viết cắm cạnh đầu lâu: "trưởng ấp ác ôn, tay sai Mỹ Diệm". Tiếp theo sau vụ giết Trưởng ấp Đại, chúng còn chận bắt Cậu Mười Lố chạy tàu đò bằng máy horbo đặt sau lái ghe. Chúng đưa cậu vô tới bờ cây trâm bầu và đã dùng nhánh trâm bầu có gai nhọn đập đầu cậu chết tại chỗ, rồi dán tờ giấy trên ngực ghi là "điềm điệp cho Mỹ Diệm". Xã Trường Long đã bất an từ những năm đầu 1960…

Tôi nghe Ba kể chợt nhiên cảm thấy lành lạnh xương sống. Thì ra, có một thời Ba tôi đã sống "bất an" mà chúng tôi đâu hay biết gì. May là nhà tôi ở gần đồn Ông Hào, bọn VC ban đêm cũng ít xuất hiện. Nhưng… họ là ai? Có phải là một số trai tráng trong ấp, trong xã đã lén lút tham gia hoạt động với bọn chúng? Khó mà hiểu được. Bây giờ tôi mới nhìn thẳng vào Ba mà hỏi:

– Họ hăm doạ sao Ba không báo cho chánh quyền biết? Rủi ban đêm chúng nó bắt Ba thì sao?

– Họ bắt ba lúc nào không được. Bởi vì hằng đêm ba đi đăng cá hết kinh nầy qua rạch kia. Nhưng họ không bắt vì Ba đâu có làm điều gì để họ phải giết? Còn nói ba là đoàn viên Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, thì không lẽ cả ấp nầy, xã nầy chúng đều giết hết hay sao? Nhà nào, đàn ông cũng tham gia phong trào nầy, họ đều biết mà!

– Ba có nghĩ là mấy gia đình có chồng, có con đi tập kết… là những điểm "khả nghi" không?

– Ba không nghĩ như vậy. Những gia đình nầy trong vùng mình gồm ông Bá Hộ có thằng Hai Cấm, rồi thằng Ruộng con chệt Hai, cậu Út Sắc con ông Sáu… đi tập kết, Ba thấy họ đều làm ăn đàng hoàng, đâu có ai biểu hiện chống đối chánh quyền quốc gia. Còn những ai theo chúng để chống phá chánh quyền, rải truyền đơn đả đảo Mỹ Diệm, hay ban đêm "phát loa" gây bất an trong ấp, trong xã… chỉ vài tiếng đồng hồ rồi im. Thật tình ba không thể đoán được…

Ba lại ngừng kể. Tay vấn điếu thuốc rồi kê đầu thuốc vào ống khói đèn để mồi. Tôi rót thêm một ly nước trà mời Ba.

Phong trào "Tố Cộng"theo luật 10/59 của chánh quyền Ngô Đình Diệm ban ra. Dân trong ấp, trong xã mình lần lượt có gia đình bỏ nhà đi mất, chẳng biết đi đâu. Ba đoán chắc các gia đình nầy có dính dấp với "phía bên kia" nên sợ bị tố cáo, sợ bị bắt nên đã bỏ trốn đến nơi khác sinh sống, hay bỏ vô bưng cũng nên! Rồi đồn Ông Hào, đồn Vàm Bi liên tiếp bị bắn phá hằng đêm. Lại có vụ chú Bảy Ý bị VC bắt và đưa vô ngọn Ông Hào để xử "chặt đầu" bằng mã tấu với 22 bản án mà chúng kết tội là làm "điềm điệp", trong đó có tội cuối cùng là ban đêm bơi xuồng vô đồn Vàm Bi báo cáo nơi du kích xã Trường Long đang ngủ trong chòi ở ngọn Cần Đước. Lính Dân Vệ (sau nầy là Nghĩa quân) đồn Vàm Bi đã xuất đồn và lần đó đã bao vây và giết chết 5 du kích đang ngủ trong chòi. Với tội nầy chú Bảy Ý đã bị chém đầu trước sự chứng kiến của vợ con và bà con trong ngọn Ông Hào. Trường hợp ông Ba Đạo đã bị chúng bắt và trói thúc ké dính vào một cây dừa cạnh nền đồn Ông Hào đã bị san bằng trên đất mợ Năm Hơn, rồi chúng bắn nhiều phát đạn với lý do "làm điềm điệp cho Mỹ Diệm"… Những hình ảnh nầy xảy ra mấy năm nay, nhưng Ba đã cố giấu không cho con biết, sợ con hoang mang ảnh hưởng đến việc học. Bây giờ thì chắc con đã hiểu, tại sao mỗi lần Má con bơi xuồng ra Cần Thơ thăm con, Ba dặn con đừng về Trường Long, cứ ở ngoài đó lo học…

Nghe Ba nhắc, tôi chợt nhớ, đúng là Má tôi có nói: *"Ba con dặn đừng về quê làm gì, cứ ở ngoài nầy lo học hành đàng hoàng. Thỉnh thoảng Má sẽ ra thăm…"*. Tôi vô tư nên không thắc mắc làm gì lời nhắn đó. Phần tôi suy nghĩ đến hoàn cảnh nghèo khổ của gia đình nên tôi đã phải tự tìm chỗ dạy kèm lấy tiền đóng tiền ăn ở tại nhà trọ, thỉnh thoảng có được chút đỉnh tiền nhuận bút vài bài học sinh viết trên nhật báo Tiếng Dân rồi Dân Tiến, một hai truyện ngắn trên báo Tiếng Chuông, Ngày Mới, Thanh Việt… trang trải phần nào việc ăn học khi xa nhà. Phải nói, Ba tôi là người "bám đất bám ruộng" trước bao hiểm nguy kề cận bên mình mà không "hở môi" cho con cái ở xa biết. Người anh cả của tôi đang đi lính và phục vụ ở Đại đội Tổng Hành Dinh BCH 3 Tiếp Vận tại Sài Gòn. Người anh kế là tài xế Quân Vận 412 Vận Tải tại Cần Thơ. Đứa em gái và thằng Út Tâm còn nhỏ ở nhà với Ba Má tôi tại Trường Long. Thời còn chiến tranh chống Pháp, Ba tôi cũng đã chứng kiến bao nhiêu thảm họa trên vùng đất quê hương; đình chiến năm 1954 đến hai ba năm sau, không khí thanh bình thật sự đến đúng sự mơ ước của mọi người. Bỗng bọn cộng sản nằm vùng đã dùng chiêu bài thành lập "mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam" gây biết bao cảnh bắn giết thảm khốc ngay trên làng quê mình ở, Ba như hụt hẫng, mất niềm tin…

– Ba à, hay là mình "tản cư" ra ngoài Cần Thơ tìm chỗ cất nhà, buôn bán kiếm sống một thời gian xem sao? Chớ ở đây sao con lo quá…

– Đi đâu bây giờ con. Dù đất nầy là đất thuê mướn của chủ điền, nhưng đã trải qua thời ông bà Ngoại, rồi tới Ba Má, nó đã quá thân thuộc như của chính mình, bỏ đi sao đành…

– Nhưng ở mà không an tâm, ngày đêm phập phồng lo sợ thì làm sao sống nổi.

– Người ta sống được, mình sống được. Chỉ có con người mới từ bỏ đất đai ruộng vườn chớ đất đai ruộng vườn đâu bao giờ bỏ rơi con người…

Ba tôi đã quan niệm về đất và người như vậy, nên tôi im lặng nhìn ba mà đôi mắt mình cảm thấy ươn ướt. Trong khi khuôn mặt ba tôi như chìm sâu trong một vùng ký ức xa vời nào đó. Nhìn lại chiếc đồng hồ rẻ tiền đeo trên tay, tôi thấy đã quá mười giờ đêm, bên ngoài sân đã tối đen không còn thấy gì, ngoài ánh sáng nhờ nhờ của ngọn đèn dầu toả qua vuông mặt cáo phần trên cánh cửa đã khép kín…

Tiếng nổ đùng của trái đạn pháo binh 105 ly bắn giải toả hàng đêm quanh các đồn, các tọa độ cần thiết, đã đánh thức tôi lúc gần nửa đêm. Vậy là tôi đã ngủ vùi và đã qua một cơn mơ dài. Tôi quẹt diêm đốt ngọn đèn cầy, ngồi nhìn bóng mình soi vào vách là thành bờ đất cao của đồn Mỹ Lợi B. Chuyện ba tôi "bám trụ" đã không còn vững nữa, khi Nhà thờ Ông Hào bị B52 ném bom sập tháp chuông và nhà nguyện giáo đường khi đơn vị phòng không của tiểu đoàn Tây Đô VC đặt khẩu súng bắn máy bay từ tháp chuông năm 1965. Từ biến cố nầy, cả họ đạo Ông Hào nhà nào cũng có người chết. Dân trong các ấp Trường Thọ, Trường Thuận đã phải tản cư ra khỏi vùng lửa đạn. Ba Má tôi đã ra Xóm Chài hỏi đất Chùa Tây Thiên của anh Ba Vĩ để cất căn nhà sàn nhỏ dưới mé sông tạm sống cho đến mười năm sau mới quay về nền nhà cũ. Ba tôi đã bỏ nghề đăng cá và đi làm thợ mộc cất nhà để tìm thu nhập trong cuộc sống.

Tôi đã vào lính và đã có dịp trú đóng tại đồn Mỹ Lợi B (trên bờ kinh Lái Hiếu) năm 1970. Buổi chiều bắt gặp chiếc ghe chở đầy đăng và 6 cái lọp đăng cá của một người đàn ông chèo ngang đồn, chợt nhiên tôi đã nhớ về Ba tôi với một đời gian khổ mà ông đã gánh lấy cho cuộc đời mình. Những dòng ghi nầy, tôi kính dâng Ba tôi để tưởng nhớ một người Cha đã thật sự sống một cuộc đời thầm lặng như bao nhiêu người Cha khác trong cõi đời nầy, nhưng đối với tôi, ít nhất đó cũng là một tấm gương đầy nghị lực, một con người có cái nhìn thiết thực về đất và người… dọc theo **một đời gian khổ** như Ba tôi.

Houston, khởi viết 15-10-2006
viết xong lúc 01:04PM ngày 8 tháng 6-2009

LÊ CẦN THƠ

(trong tập truyện **TRÔI NGANG PHẬN MÌNH**,
Bản Thảo Lưu Lại – 2009 – nhà văn Trần Hoài Thư chủ trương Thư Ấn Quán
giúp in giùm với số lượng hạn chế, để phổ biến trong thân tộc và một số bằng hữu – *đã hết*)